



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 61 (01/8/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|----|
| 16-7-2008 | Quyết định số 3046/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao giai đoạn II. | 3 |
| 17-7-2008 | Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh. | 13 |

QUẬN 6

- | | | |
|-----------|---|----|
| 11-7-2008 | Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 6 đến năm 2020. | 25 |
| 11-7-2008 | Nghị quyết số 02/2008/NQ-HĐND về quyết toán ngân sách năm 2007; điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008; tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2008. | 26 |

- 11-7-2008 - Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 28

HUYỆN CỬ CHI

- 11-7-2008 - Nghị quyết số 16/2008/NQ-HĐND về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008. 32
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND về tổng quyết toán ngân sách huyện năm 2007. 37

HUYỆN NHÀ BÈ

- 17-7-2008 - Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 39
- 17-7-2008 - Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007 và điều chỉnh chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2008. 46

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3046/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao giai đoạn II**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 95/2003/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 110/TB-VPCP ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2262/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 6 năm 2008 về thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn II,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn II. Với các nội dung chính như sau:

(Đính kèm tập thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố - Giai đoạn II)

1. Vị trí, ranh giới, quy mô:

Khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn II có vị trí tiếp giáp phía Nam Khu Công nghệ cao giai đoạn I, thuộc các phường Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Long Thạnh Mỹ, quận 9. Phạm vi quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp ranh giai đoạn I - Khu Công nghệ cao.
- Phía Đông giáp trục đường vành đai 3 dự kiến.
- Phía Tây giáp sông Vàm Xuông.
- Phía Nam giáp sông Trau Trầu và sông Rạch Chiếc.

Diện tích khu đất trong giai đoạn II là: 587,07ha.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Lập quy hoạch chi tiết Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn II, theo điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (quy mô 913,16ha) đã được duyệt.

- Phù hợp với thực tế đầu tư, cập nhật những biến động, thay đổi trong thời gian vừa qua về nhu cầu sử dụng đất của các khu chức năng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

- Làm cơ sở cho việc thực hiện các bước đầu tư tiếp theo.

- Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt quan tâm đến các tập đoàn đa quốc gia.

3. Phân khu chức năng và các chỉ tiêu về quy hoạch sử dụng đất:

- Quy mô diện tích đất: 587,07ha.

- Các thành phần chức năng Khu Công nghệ cao:

Các thành phần chức năng chính của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn II được bố trí trong mặt bằng quy hoạch sử dụng đất như sau:

- 1) Khu sản xuất công nghệ cao.
- 2) Khu công nghiệp hỗ trợ.
- 3) Khu nghiên cứu - phát triển và đào tạo (R&D).
- 4) Khu bảo thuế.
- 5) Khu hậu cần.
- 6) Khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.
- 7) Khu dịch vụ.
- 8) Khu ở chuyên gia.
- 9) Khu công viên - cây xanh, mặt nước.
- 10) Khu công trình đầu mối kỹ thuật hạ tầng.
- 11) Đường giao thông.

4. Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	KHU SX CÔNG NGHỆ CAO	197,81	34,64
2	KHU CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ	14,07	2,46
3	KHU NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ĐÀO TẠO	49,21	8,62
4	KHU BẢO THUẾ	51,04	8,94
5	KHU HẬU CẦN	5,66	0,99
6	KHU ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CNC	10,77	1,89
7	KHU TRUNG TÂM DỊCH VỤ	10,93	1,91

8	KHU DỊCH VỤ CÔNG CỘNG KHU Ở	0,45	0,08
9	KHU NHÀ Ở CHUYÊN GIA	26,50	4,64
10	KHU CÔNG VIÊN CÂY XANH - MẶT NƯỚC	117,49	20,58
11	ĐẤT CÔNG TRÌNH KTHT ĐẦU MỐI	6,00	1,05
12	ĐẤT GIAO THÔNG KHU CNC	81,09	14,20
	CỘNG	571,02	100,00
13	ĐẤT GIAO THÔNG (THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG TP)	13,25	
14	ĐẤT XỬ LÝ RANH ẢNH HƯỞNG ĐẾN NẠO VẾT ĐƯỜNG THỦY	2,81	
	TỔNG CỘNG	587,07	

5. Các chỉ tiêu kiến trúc - xây dựng chính:

Yêu cầu kiến trúc - xây dựng từng khu chức năng Khu Công nghệ cao với các chỉ tiêu sau đây:

- Khu sản xuất công nghệ cao, khu công nghiệp hỗ trợ, khu hậu cần:

- Mật độ xây dựng tối đa : 50 %.
- Tầng cao tối đa : 6 tầng (tối đa 25m).
- Hệ số sử dụng đất tối đa (trong lô đất xây dựng) : 2,5.

- Khu nghiên cứu phát triển và đào tạo, khu ươm tạo doanh nghiệp CNC:

- Mật độ xây dựng : 30%.
- Tầng cao tối đa : 18 tầng (tối đa 65m).
- Hệ số sử dụng đất (trong lô đất xây dựng) : 3,6.

- Khu bảo thuế, khu dịch vụ:

- Mật độ xây dựng : 40 - 50%.
- Tầng cao tối đa : 18 tầng.
- Hệ số sử dụng đất (trong lô đất xây dựng) : 3,6.

- Khu ở chuyên gia và dịch vụ công cộng trong khu ở: Diện tích khoảng 26.95ha, gồm 2 khu:

- o Khu nhà chung cư:

- Mật độ xây dựng : 25 - 30%.
- Tầng cao tối đa : 20 tầng.
- Hệ số sử dụng đất (trong lô đất xây dựng) : 5 - 6.

o Khu nhà biệt thự:

- Mật độ xây dựng : 20 - 25%.
- Tầng cao tối đa : 3 tầng.
- Hệ số sử dụng đất (trong lô đất xây dựng) : 0,3 - 0,4.

Lưu ý: khi triển khai đồ án, về khu ở chuyên gia cần nghiên cứu loại hình ở và tổ chức hạ tầng xã hội phù hợp đối tượng cư trú trong Khu Công nghệ cao.

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

• Giao thông đường bộ:

- Đường Vành đai 3 giáp phía Đông Khu Công nghệ cao - Giai đoạn II, từ quận 9 đi Nhơn Trạch, Đồng Nai, lộ giới 120m.

- Đường Vành đai phía Đông đi từ ngã tư Bình Thái (xa lộ Hà Nội) tới cầu Phú Mỹ, lộ giới 67m.

- Đường Lã Xuân Oai và đường Bung Ông Thoàn chạy ngang qua Khu Công nghệ cao - giai đoạn II, lộ giới 30m.

• Nút giao thông:

- Nút giao thông giữa đường trục chính Khu Công nghệ cao (đường D2) và đường Vành đai 3 đi Nhơn Trạch - Đồng Nai có vị trí ở phía Đông Nam Khu Công nghệ cao trong tương lai sẽ là nút giao thông khác cốt để bảo đảm giao thông liên tục trên đường cao tốc.

- Nút giao thông giữa đường D2 và đường Vành đai 1 trước mắt là nút đảo tự điều chỉnh. Khi cần thiết sẽ xây dựng nút giao thông khác cốt.

- Nút giao thông giữa đường trục chính D2 với đường Lã Xuân Oai và đường Bung Ông Thoàn trong Khu Công nghệ cao sẽ là nút giao thông khác cốt không liên thông.

- Nút giao giữa đường ven sông Kinh và cầu Rạch Chiếc 2 là nút giao thông khác cốt. Tĩnh không là 4,5m.

• Giao thông đường thủy:

- Phía Nam Khu Công nghệ cao - giai đoạn II có sông Rạch Chiếc, sông Trau Trầu, rạch Ông Nhiêu, nối sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

- Tỉnh không thông thuyền cho các cầu xây dựng trên các tuyến sông trên sẽ do Sở Giao thông vận tải xác định khi triển khai đồ án.

b) Giao thông nội bộ:

Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu Công nghệ cao tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt thì mạng lưới đường giao thông nội bộ của Khu Công nghệ cao - giai đoạn II gồm có:

- Đường D1 đi từ Khu Công nghệ cao - giai đoạn I cắt ngang đường D2, sẽ giao với đường Vành đai 3 đi Nhơn Trạch - Đồng Nai.

- Đường chính D2 từ trục D1 về hướng Tây tới cầu Rạch Chiếc.

- Đường Lã Xuân Oai và đường Bung Ông Toàn tổ chức giao cắt chạy vượt bên trên đường D2.

- Đường nội bộ trong các khu sản xuất, khu nghiên cứu - đào tạo, dịch vụ, khu ở chuyên gia...

- Các đường nội bộ dọc sông.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị đất xây dựng:**6.2.1. Giải pháp quy hoạch chiều cao không chế san lấp:**

• Cao độ xây dựng của Khu Công nghệ cao - giai đoạn 2 được xác định không chế giống như đối với giai đoạn I: $H_{xd} > 2,20m$ (cao độ chuẩn Quốc gia Hòn Dấu).

• Để đảm bảo chống ngập lụt và an toàn trong quá trình sử dụng lâu dài, cao độ xây dựng cụ thể được xác định như sau:

- Đối với hệ thống đường, cao độ tim đường $> 2,30m$.

- Đối với các khu vực xây dựng khi san nền đạt cao độ $> 2,50m$.

6.2.2. Giải pháp quy hoạch thoát nước mưa:

• Tận dụng ưu thế về các sông rạch trong khu vực để phục vụ cho việc thoát nước mưa của khu vực thiết kế. Các sông rạch giữ lại cần được cải tạo nạo vét để tăng cường khả năng tiêu thoát nước cho khu vực thiết kế và các khu vực lân cận.

• Trong khu vực công viên cây xanh, dọc theo các sông, rạch có tổ chức các hồ cảnh quan kết hợp với thoát nước mưa.

• Hệ thống thoát nước mưa cho khu vực xây dựng giai đoạn 2 được thiết kế tách riêng với nước thải công nghiệp và sinh hoạt. Các tuyến thoát nước mưa được thiết kế bằng cống tròn bê tông cốt thép, bố trí dọc theo các trục đường và xả ra sông rạch theo hướng gần nhất. Độ dốc dọc của cống lấy độ dốc tối thiểu theo tiêu chuẩn quy phạm đối với từng loại đường ống.

+ ***Kè bảo vệ bờ sông:***

Tất cả bờ các sông, rạch được giữ lại trong phạm vi ranh giới của Khu Công nghệ cao - giai đoạn II sẽ được bảo vệ để chống xói lở và bảo vệ môi trường sinh thái. Đối với bờ rạch Lân, rạch Sông Bào đoạn qua khu vực trung tâm công cộng, qua các khu vực công viên cây xanh, bờ các hồ đào sẽ gia cố bằng xây dựng kè (bằng bê tông hoặc đá hộc) để bảo vệ bờ sông chống xói lở đồng thời tạo cảnh quan cho khu vực. Đối với các đoạn sông, rạch có bố trí các dải cây xanh cách ly dọc bờ sông sẽ giữ nguyên và trồng thêm các lớp cây xanh có tác dụng bảo vệ bờ để vừa chống xói lở, vừa giữ được cảnh quan môi trường vừa đảm bảo tính kinh tế trong đầu tư xây dựng.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

a) *Nhu cầu dùng nước:* Tổng nhu cầu dùng nước Khu Công nghệ cao - giai đoạn II là 18.000 m³/ngày với tiêu chuẩn cấp nước tính chung cho các nhu cầu là 40 m³/ha/ngày (nước phục vụ công nghệ, sinh hoạt, chữa cháy, tưới đường, cây...).

b) *Nguồn nước:*

Toàn bộ Khu Công nghệ cao sẽ được cấp nước từ 2 điểm: trên đường Hà Nội và ngã tư đường Lã Xuân Oai giao với đường D2.

c) *Mạng lưới cấp nước:* Từ tuyến ống cấp nước chính ϕ 600 qua gầm cầu Suối Cái (trên đường Hà Nội) dẫn vào Khu Công nghệ cao (theo quy hoạch chi tiết giai đoạn I). Tuyến ống ϕ 600 dẫn vào trạm bơm dự phòng (ở giai đoạn I) và cấp trực tiếp theo trục chính (giai đoạn I) dẫn tới khu vực thiết kế (giai đoạn II) bằng tuyến ống ϕ 500 theo trục chính đường D2 cấp cho giai đoạn II.

Trong khu trung tâm dịch vụ cần nghiên cứu bố trí cơ sở chữa cháy (trạm chữa cháy, xe chữa cháy...) chung cho cả khu.

6.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

6.4.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Lưu lượng nước thải: tổng lưu lượng nước thải của Khu Công nghệ cao giai đoạn 2 là 15.000 m³/ngày, với tiêu chuẩn nước thải được tính 80% tiêu chuẩn nước cấp.

+ Trạm xử lý nước thải: xây dựng một trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn bộ Khu Công nghệ cao (cả giai đoạn I và giai đoạn II). Khu đất bố trí ở giáp ranh giai đoạn II với giai đoạn I, gần đường Vành đai 2, có quy mô diện tích là 3ha.

+ Nước thải được xử lý theo 2 cấp:

- Tại Xí nghiệp sản xuất và công trình: nước thải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao quy định hoặc tương đương TCVN 5945-1995 cột C. Đối với khu ở chuyên gia (nước thải sinh hoạt) nước thải tại các công trình được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn (theo tiêu chuẩn).

- Tại trạm xử lý tập trung: nước thải được xử lý đạt TCVN 6984-2001, trước khi xả ra sông Gò Công.

6.4.2. Quy hoạch xử lý vệ sinh môi trường:

+ Đối với rác thải sinh hoạt của khu dân cư: có lượng rác 3 - 4 tấn/ngày với tiêu chuẩn 1,0 - 1,5 kg/người/ngày. Lượng rác này sẽ được thu và chuyển đến bãi rác tập trung của thành phố.

+ Đối với rác thải công nghiệp của Khu Công nghệ cao: dự kiến bố trí 1 bãi tập trung rác có quy mô 01ha (cạnh trạm xử lý nước thải), rác được đưa tới khu vực xử lý rác công nghiệp tập trung của thành phố.

6.5. Quy hoạch cấp điện:

6.5.1. Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện cho Khu Công nghệ cao là nguồn điện lưới quốc gia.

- Giai đoạn đầu, nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV từ trạm 110kV trong Khu Công nghệ cao giai đoạn I (trạm Tăng Nhơn Phú).

- Về lâu dài, khi phụ tải của khu tăng cao, dự kiến xây dựng một trạm biến thế trung gian 110kV - 2 x 63MVA chuyên dùng. Trạm này được đặt ở phía Tây Nam của khu, cạnh phần đất xây dựng nhà máy nhiệt điện. Công suất đợt đầu của trạm biến thế là 63MVA.

- Nhà máy điện turbine khí (hoặc nhiệt điện) với tổng công suất 100 ÷ 120 MW là nguồn cấp điện kinh doanh, bảo đảm cấp điện chất lượng ổn định cho các nhà máy, phòng thí nghiệm trong Khu Công nghệ cao.

6.5.2. Lưới điện:

- Từ trạm biến thế 110kV có 14 tuyến cáp ngầm 22kV đưa điện đến các phụ tải.

- Các tuyến trung thế đấu thành mạch vòng kín để tăng độ an toàn trong cung cấp điện.

- Các trạm biến thế 22/0,4kV cấp điện cho các nhà máy sẽ do các nhà máy đầu tư và đấu nối vào mạng lưới cấp ngầm theo dạng chuyển tiếp (transit).

- Dọc theo tuyến trung thế 22kV có đặt các trạm hạ thế 22/0,4kV dùng để cấp điện cho các đèn đường, mỗi trạm có dung lượng từ 3 x 10 đến 3 x 25kVA.

- Các tuyến đèn đường được bố trí cấp ngầm, đèn đặt trên trụ thép ống cao 7 đến 10 mét, khoảng cách giữa hai trụ đèn trung bình là 30 mét. Đối với những mặt đường rộng trên 12 mét, trụ đèn được đặt hai bên đường.

6.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

a) Mục tiêu:

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt viễn thông cho các nhà đầu tư vào Khu Công nghệ cao giai đoạn II.

- Xây dựng đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác.

- Đáp ứng các nhu cầu viễn thông với các loại hình đa dịch vụ cho các nhà đầu tư vào Khu Công nghệ cao - giai đoạn II, đó là:

+ Thông tin thoại, fax truyền thống.

+ XDSL: Đường dây thuê bao số, sử dụng cho các loại hình đa dịch vụ như thoại, truyền data, Internet, conferent... trên một đôi dây cáp.

+ Đồng thời xây dựng các cơ sở hạ tầng cho việc sử dụng các mạng thông tin di động tiên tiến và thích ứng nâng cấp trong tương lai như mạng NGN, Wimax, 3G, CDMA băng thông rộng...

b) Hình thức:

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống công bề chờ, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

- Các tuyến công, bề, cáp đồng và cáp quang sẽ được đi ngầm.

c) Quy mô:

- Các giải pháp quy hoạch hệ thống TTLL cho Khu Công nghệ cao giai đoạn II dựa trên cơ sở các mạng cấp điện thoại phải đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng điện thoại theo từng khu vực, theo từng giai đoạn sao cho dung lượng của các đường cáp không lãng phí, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của kỹ

nghe thông tin trong những năm tới. Chú trọng thông tin qua mạng Internet tốc độ cao dành cho các thiết bị di động.

- Xây dựng các tuyến cáp quang từ Bưu điện Khu Công nghệ cao giai đoạn I đưa đến khu vực thiết kế trong giai đoạn II.

- Xây dựng hệ thống cống bê tông bộ với các quy mô:

▪ Các tuyến cống bê tông sẽ được lắp đặt ở hai bên đường nhằm cho việc kéo cáp tới các công trình là ngắn nhất. Khoảng cách các bể cấp trung bình từ 60m đến 120m.

▪ Vị trí các tuyến ống được bố trí phù hợp với quy hoạch hạ tầng đường dây, đường ống do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao xác định trên cơ sở khả thi theo tình hình đầu tư trước mắt và lâu dài.

Lưu ý: Khi triển khai đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao - giai đoạn II, phần quy hoạch giao thông và các biện pháp san nền, đào hồ, thoát nước mưa cần có ý kiến của Sở Giao thông vận tải thành phố.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn II được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, triển khai thực hiện nghiên cứu Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ cao - giai đoạn II trình duyệt theo quy định.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 9 xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục,
hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng
vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước và Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Thông tin và Truyền thông trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông (nay là Sở Thông tin và Truyền thông) tại Tờ trình số 03/TTr-SBCVT ngày 26 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động
ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách
nhà nước thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương 1

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng: Quy định này nhằm hướng dẫn nội dung và trình tự các bước để thực hiện việc chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, hoàn thành dự án đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng và đánh giá hiệu quả đầu tư dự án, hạng mục, hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phân loại các dự án, hạng mục, hoạt động công nghệ thông tin, bao gồm các loại sau:

1. Các dự án đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung của thành phố:

a) Các dự án đầu tư mới xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được bố trí sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung trong kế hoạch phê duyệt chung hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về các dự án công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung.

b) Việc quản lý các dự án đầu tư công nghệ thông tin được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan quản lý có thẩm quyền chỉ xem xét và bố trí nguồn vốn ngân sách tập trung khi dự án có tính chất đầu tư đồng bộ (bao gồm đầu tư phần cứng, đường truyền, phần mềm ứng dụng và đào tạo).

2. Các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp (sự nghiệp công nghệ thông tin). Thành phố ưu tiên phân bổ ngân sách sự nghiệp cho sự nghiệp công nghệ thông tin, theo kế hoạch phê duyệt chung hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về nguồn vốn ngân sách sự nghiệp, gồm các nội dung sau:

a) Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các dự án đã đầu tư xây dựng.

b) Đầu tư duy trì, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, cải tạo cơ sở vật chất và các dịch vụ liên quan khác).

c) Đầu tư triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ... (theo yêu cầu chuyển dần thông tin trên giấy thành thông tin dưới dạng điện tử; từng bước hình thành và khai thác các kho dữ liệu điện tử; xây dựng hệ thống thông tin điện tử phục vụ cải cách hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho xã hội; cải tiến quy trình quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng công việc chuyên môn...).

d) Đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

e) Đầu tư các hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin khác có liên quan không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

Không sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới.

Điều 3. Lập kế hoạch vốn cho đầu tư và phát triển công nghệ thông tin

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối hướng dẫn chính sách, thủ tục quy định và hỗ trợ chủ đầu tư về thủ tục hành chính trong quản lý các dự án, hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành để tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố, đề xuất nguồn vốn, tổng kinh phí đầu tư theo nội dung tiến độ xây dựng kế hoạch chung của thành phố; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giao chỉ tiêu kinh phí từ các nguồn vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu hàng năm về nguồn vốn ngân sách đầu tư tập trung đã được thành phố phê duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phân bổ chi tiết và lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư; tổng hợp hồ sơ

trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch chi tiết về danh mục các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn này.

3. Trên cơ sở chỉ tiêu hàng năm về nguồn vốn ngân sách sự nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phân bổ chi tiết và lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch chi tiết về danh mục các dự án, hoạt động, hạng mục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn này.

Chương 2

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG

Điều 4. Chuẩn bị đầu tư

1. Lập dự án đầu tư:

a) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự án đầu tư hoặc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật theo đúng quy định.

b) Căn cứ thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông về kế hoạch vốn chuẩn bị dự án đầu tư, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí nghiên cứu lập dự án; chịu trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm theo quy định để lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư.

c) Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư và lập thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở công nghệ thông tin và bưu chính, viễn thông thực hiện theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ; Điều 41 của Luật Xây dựng; Mục 1 Chương II của Luật Đấu thầu.

2. Lập Thuyết minh hoạt động và hạng mục.

Căn cứ thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông về chỉ tiêu phân bổ kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin được giao hàng năm, các đơn vị lập Thuyết minh công việc và dự toán chi tiết hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin trình Sở Thông tin và Truyền thông xem xét và phê duyệt. Thuyết minh công việc và dự toán phải bao gồm các nội dung sau:

a) Tóm tắt về mục tiêu và tổng mức kinh phí;

- b) Danh mục và mô tả chi tiết nội dung các hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin hoặc bưu chính, viễn thông cần thực hiện, kèm theo cơ sở tính toán chi phí;
- c) Các phương án tổ chức thực hiện và biện pháp phòng ngừa rủi ro;
- d) Kiến nghị và đề xuất nếu có.

Điều 5. Việc lập thuyết minh dự án và thiết kế cơ sở cho dự án bưu chính, viễn thông thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2006 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở của dự án công nghệ thông tin, nội dung hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin để các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ trình duyệt

1. Đối với dự án công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông (sử dụng nguồn vốn tập trung và nguồn vốn sự nghiệp):

- a) Tờ trình phê duyệt dự án.
- b) Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở.
- c) Dự án đầu tư có đóng dấu của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thực hiện.
- d) Thiết kế cơ sở (áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình) có đóng dấu của chủ đầu tư và của đơn vị tư vấn, kèm văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan.
- e) Thông báo giao kế hoạch vốn của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc văn bản chấp thuận chuẩn bị dự án của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).
- f) Bản sao điện tử của hồ sơ dự án (nếu có).

Hồ sơ các dự án đầu tư tài sản cố định không kèm theo chi phí xây lắp thì không cần các tài liệu quy định tại điểm b và điểm d.

Khuyến khích các chủ đầu tư nộp hồ sơ dự án trên mạng.

2. Đối với các hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin (nguồn vốn sự nghiệp):

a) Tờ trình phê duyệt dự toán chi tiết hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin.

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chủ quản (nếu có).

c) Thông báo giao kế hoạch vốn của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc văn bản pháp lý liên quan đến chủ trương đầu tư (văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận).

d) Dự toán chi tiết kèm Thuyết minh hoạt động và hạng mục đầu tư.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án nhóm A.

b) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông sử dụng vốn ngân sách thành phố.

2. Đối với thiết kế cơ sở:

Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; trường hợp dự án đầu tư công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông liên quan đến nhiều chuyên ngành thì Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thẩm định thiết kế, chịu trách nhiệm lấy ý kiến của các sở - ngành, quận - huyện liên quan.

3. Thẩm định giá đối với dự án mua sắm:

Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thẩm định giá cả máy móc, thiết bị trước khi phê duyệt hoặc thẩm định để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đối với những dự án đầu tư nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước mà không kèm chi phí xây lắp. Căn cứ dự án đầu tư được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán.

4. Thẩm định dự toán và phê duyệt hoạt động, hạng mục:

Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và

phê duyệt dự toán chi tiết của từng công việc, hạng mục đã được giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí.

5. Thời gian thẩm định:

a) Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhóm C là 10 ngày làm việc và nhóm B là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Thời gian thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư nhóm C không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

d) Thời gian thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư nhóm B không quá 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Thời gian thẩm định và phê duyệt hoạt động, hạng mục không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế - Tổng dự toán

1. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện lập Thiết kế - Tổng dự toán theo đúng các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư phê duyệt Thiết kế - Tổng dự toán công trình thuộc các dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

Chương 3 QUẢN LÝ ĐẦU THẦU

Điều 9. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý nhà nước về đấu thầu theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở - ngành, quận - huyện thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu, kiểm tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án thuộc phạm vi thành phố quản lý.

Điều 10. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan

1. Về đấu thầu:

a) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn tập trung: phân cấp cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở quyết định đầu tư tại Điều 10 Quy định này.

Công tác đấu thầu của các dự án nhóm A thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Đối với các hoạt động, hạng mục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp:

Phân cấp cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định mua sắm tài sản và thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc các hoạt động, hạng mục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách sự nghiệp.

2. Về chỉ định thầu:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương chỉ định thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên, gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên.

Điều 11. Hình thức lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương 2 Luật Đấu thầu.

Chương 4

THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN VỐN

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư

Sở Tài chính thành phố chịu trách nhiệm thẩm định và trình duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các Sở quyết định đầu tư.

Điều 13. Thanh toán các hoạt động, hạng mục

Căn cứ vào dự toán được xét duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông ký kết hợp đồng thực hiện, đồng thời làm thủ tục giải ngân cho đơn vị thụ hưởng theo tiến độ thực hiện và kinh phí được bố trí cho hạng mục đó.

Việc giải ngân cho từng hoạt động, hạng mục được duyệt trong năm không vượt tổng mức bố trí đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho hoạt động, hạng mục đó. Trong trường hợp kinh phí cho hoạt động, hạng mục cần thiết phải giải ngân vượt dự toán được duyệt trong năm, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh.

Điều 14. Quyết toán vốn sự nghiệp công nghệ thông tin

Đơn vị thực hiện dự án, hoạt động, hạng mục có trách nhiệm lập quyết toán và cung cấp chứng từ quyết toán cho Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ và nội dung thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sau đó lập biên bản xét duyệt quyết toán cho đơn vị, đồng thời tổng hợp số liệu quyết toán ngân sách theo chế độ hiện hành.

Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm đầu mối, tổng hợp báo cáo quyết toán chung theo trình tự quy định.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn thực hiện dự án, hoạt động, hạng mục trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 15. Quản lý chất lượng công trình công nghệ thông tin

Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Điều 17 của Quyết định 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định hiện hành để có văn bản hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan về quản lý chất lượng công trình ngành công nghệ thông tin.

Chương 5**ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG****Điều 16. Tổ chức tư vấn lập dự án phải đạt các điều kiện sau đây**

- a) Có đăng ký hoạt động lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- b) Có điều kiện năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với công việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- c) Có người đủ năng lực hành nghề lập dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với yêu cầu của dự án đầu tư xây dựng công trình để đảm nhận chức danh chủ nhiệm lập dự án; cá nhân tham gia lập dự án phải có năng lực hành nghề phù hợp với từng loại dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 17. Tổ chức tư vấn thiết kế phải đạt các điều kiện sau đây

- a) Có đăng ký hoạt động thiết kế công trình công nghệ thông tin;

- b) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế công trình công nghệ thông tin;
- c) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế phải có năng lực hành nghề thiết kế công trình công nghệ thông tin.

Điều 18. Tổ chức tư vấn thiết kế phải đạt các điều kiện sau đây

- a) Có đăng ký hoạt động tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- b) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- c) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế phải có năng lực hành nghề thiết kế công trình viễn thông và có chứng chỉ hành nghề phù hợp với yêu cầu của loại, cấp công trình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 6

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2008/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị
quận 6 đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 1881/TTr-UBND-QLĐT ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 6 về nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 6 đến năm 2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 1881/TT-UBND-QLĐT ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 6 về nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng đô thị quận 6 đến năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt, để quản lý phát triển quận theo quy hoạch.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về quyết toán ngân sách năm 2007;
điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008;
tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm
và dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét báo cáo quyết toán ngân sách năm 2007; điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008; tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2008 và phương hướng điều hành thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KT-XH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007; chấp thuận nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008; ghi nhận tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2008 như sau:

I. Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 458.616.824.737 đồng

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 296.847.818.152 đồng

Bao gồm:

- Các khoản thu được hưởng 100%:	67.206.943.715 đồng
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%):	67.772.604.557 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	67.905.823.350 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước:	40.642.188.506 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	2.762.582.940 đồng
- Các khoản ghi thu:	50.557.675.084 đồng
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	233.172.517.729 đồng
4. Kết dư ngân sách địa phương năm 2007:	63.675.300.423 đồng

II. Chấp thuận điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 208,930 tỷ đồng (số cũ: 165,541 tỷ đồng)
- Tổng chi ngân sách địa phương: 208,930 tỷ đồng (số cũ: 165,541 tỷ đồng)

III. Ghi nhận tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2008:

- Ước tổng thu ngân sách nhà nước : 311,763 tỷ đồng, đạt 67,60% kế hoạch.
- Ước tổng thu ngân sách địa phương: 110,518 tỷ đồng, đạt 52,90% kế hoạch.
- Ước tổng chi ngân sách địa phương: 112,249 tỷ đồng, đạt 53,73% kế hoạch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận cân đối điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2008 đạt hiệu quả; tăng cường quản lý kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng quy định. Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ngân sách năm 2008 theo kế hoạch được giao. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách.

Thường trực, hai Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân quận có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/NQ-HĐND

Quận 6, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân quận, các báo cáo của Ủy ban nhân dân quận; thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí các báo cáo của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân quận. Nhất trí thông qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận 6 tháng đầu năm 2008; nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận có ý kiến như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2008:

Trong bối cảnh chung của cả nước, Thành phố, tình hình lạm phát, giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm, vật tư, nguyên liệu tăng và biến động liên tục, đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân, nhất là người nghèo, người lao động có thu nhập thấp. Thực hiện các chủ trương của Trung ương, Thành phố về tăng cường các biện pháp kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả; Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận đã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong 6

tháng đầu năm 2008, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt, vượt và tăng so với cùng kỳ năm trước: tổng doanh thu thương mại - dịch vụ ước đạt 51% kế hoạch, tăng 28,27% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ước đạt 50,30% kế hoạch, tăng 11,60% so với cùng kỳ; tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 67,60% kế hoạch, tăng 41,49% so với cùng kỳ, thu ngân sách địa phương ước đạt 52,90% kế hoạch, tăng 32,37% so với cùng kỳ, chi ngân sách địa phương ước đạt 53,73% kế hoạch, tăng 39,57% so với cùng kỳ; giới thiệu, giải quyết việc làm cho 6.128 lao động, đạt 61,28% kế hoạch; tổng thu thuế ước đạt 62,11% kế hoạch, tăng 64,08% so với cùng kỳ; Quận được Thành phố công nhận hoàn thành công tác phổ cập bậc trung học năm 2007; công tác chăm lo cho diện chính sách, người nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng...

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn những mặt hạn chế, tồn tại như: tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy có tăng so với cùng kỳ năm trước, nhưng không cao do lạm phát tác động; công tác lập, điều chỉnh các đồ án quy hoạch chưa hoàn thành đúng kế hoạch; tiến độ triển khai thực hiện các dự án công trình chậm, nhất là các dự án xây dựng trường học, xây dựng chung cư phục vụ tái định cư do việc lập, trình, duyệt các dự án phải bổ sung, điều chỉnh, giá vật tư biến động...; số lượng hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở còn tồn đọng nhiều; việc thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” tuy có tập trung, nhưng chưa đạt yêu cầu, việc xử lý các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường, trật tự đô thị còn hạn chế; công tác kiểm tra xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ ngành nghề “nhạy cảm” còn gặp nhiều khó khăn; tuy số vụ phạm pháp hình sự giảm 28 vụ - 18,92% so với cùng kỳ năm trước, đấu tranh khám phá án đạt 67,50%, nhưng tình hình trật tự xã hội còn diễn biến phức tạp, các loại án giết người, cướp giết tăng, đối tượng gây án là người địa phương chiếm tỷ lệ cao, số người sau thời gian cai nghiện, số người trốn trường, trung tâm cai nghiện ngày càng nhiều, việc quản lý giáo dục số người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng còn nhiều khó khăn...

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008:

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận khóa IX, kỳ họp thứ 11 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008, Hội đồng nhân dân quận đề nghị Ủy ban nhân dân, các cơ quan hữu quan quận cần tập trung các vấn đề sau:

1. Tăng cường các biện pháp quản lý, khai thác nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, xử lý các khoản nợ đọng thuế, chống thất thu ngân sách, thực hiện tiết kiệm

10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm niêm yết giá, đầu cơ, tăng giá bất hợp lý... để góp phần bình ổn giá trên địa bàn.

2. Đảm bảo cân đối nguồn vốn đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách; đẩy nhanh việc thực hiện các dự án xây dựng trường học, xây dựng chung cư theo quy hoạch; tăng cường công tác giám sát đầu tư xây dựng của cộng đồng, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng công trình.

3. Hoàn chỉnh đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị quận đến năm 2020; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2000 các khu dân cư liên phường; quy hoạch chi tiết mạng lưới giao thông dưới 12m và chỉ giới đường đỏ 14 phường (quy hoạch hẻm); quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Tập trung giải quyết hồ sơ tồn đọng về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình, quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, các trường hợp chưa xác lập sở hữu nhà Nhà nước để giải quyết bán nhà theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ.

5. Đẩy mạnh thực hiện 3 nội dung trọng tâm của chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”: về trật tự, an toàn giao thông; về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; về ý thức giao tiếp - ứng xử văn minh nơi công cộng.

6. Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2008 - 2009, tiếp tục thực hiện công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục; thực hiện tốt các chính sách xã hội, giới thiệu, giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng hiệu quả chương trình giảm hộ nghèo; tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng ngừa, ngăn chặn và chữa trị các loại dịch bệnh, triển khai các biện pháp kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn quận.

7. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý bộ máy nhà nước; chống quan liêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng. Kiện toàn tổ chức, bộ máy các phòng ban theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện. Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng quy định của pháp luật và kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

8. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác trợ giúp pháp lý. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu 3 giảm, kế hoạch tiếp nhận người chấp hành tốt thời gian sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

9. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách tư pháp, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa 03 cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án trong hoạt động tố tụng; thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, dân sự đảm bảo đúng luật định; đảm bảo hoạt động tư pháp thực hiện đúng quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm; hoàn thành tốt các chỉ tiêu của ngành đề ra.

III. Tổ chức thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008.

Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các tổ chức thành viên giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của người dân đến các cơ quan hữu quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 6 khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ

HUYỆN CỬ CHI

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2008/NQ-HĐND

Củ Chi, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về tình hình kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện, báo cáo của Tòa án nhân dân, của Viện Kiểm sát nhân dân huyện, ý kiến phát biểu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện trình trước Hội đồng nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008.

Sáu tháng đầu năm 2008, tình hình kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện tiếp tục có bước phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ổn định và tiếp tục được cải thiện. Kinh tế huyện tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt kết quả tốt, trên 50% kế hoạch năm.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng hơn tăng 30% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trên 9% so với cùng kỳ. Ngành thương mại, dịch vụ tăng 56% so với cùng kỳ. Các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội được thực hiện tốt. Huyện đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống của gia đình chính sách và hộ dân nghèo thông qua các chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn và các biện pháp giảm hộ nghèo. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, người dân yên tâm sinh hoạt, sản xuất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số mặt hạn chế cần tập trung khắc phục trong 6 tháng cuối năm 2008. Đó là:

- Các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả thấp.

- Tiến độ triển khai và tổ chức thi công các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhìn chung còn chậm do biến động giá vật tư, gây khó khăn trong công tác đấu thầu và làm chậm tiến độ giải ngân vốn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ở một số dự án còn kéo dài, một số hộ dân bị ảnh hưởng thắc mắc, khiếu nại, phải vận động thuyết phục nhiều lần. Công tác phổ cập giáo dục, nhất là phổ cập Trung học phổ thông còn nhiều khó khăn, tỷ lệ học viên được huy động ra lớp thấp so với diện phải ra lớp. Tiến độ thực hiện công tác giảm hộ nghèo còn chậm, một số xã - thị trấn chưa thực hiện công tác thẩm định về thu nhập hộ nghèo trong 6 tháng đầu năm 2008. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy được đảm bảo nhưng số vụ phạm pháp hình sự tăng 13% so cùng kỳ, tình hình tai nạn giao thông có những diễn biến phức tạp (số vụ tai nạn giao thông giảm 01 vụ, nhưng số người chết lại tăng 15 người so cùng kỳ).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện khẳng định quyết tâm tiếp tục thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, nghị quyết của Huyện ủy và của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008. Trong 6 tháng cuối năm, Hội đồng nhân dân huyện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện trong chỉ đạo và điều hành, lưu ý những vấn đề trọng tâm sau đây:

1. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện. Phân đầu đạt giá trị sản xuất công nghiệp 1.889,37 tỷ đồng, tăng 25% so năm 2007; đạt doanh thu sản xuất công nghiệp 3.842,33 tỷ đồng, tăng 27,2% so năm 2007.

2. Tập trung rà soát và phổ biến rộng rãi kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho các hộ nông dân, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện hỗ trợ lãi suất vay khuyến khích chuyển đổi theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND của Ủy ban nhân

dân thành phố, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho nông dân. Phần đầu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 800,12 tỷ đồng, tăng 8,5% so thực hiện năm 2007.

3. Hoàn thành 100% công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp đủ điều kiện; 80% đối với số hồ sơ chưa đủ điều kiện. Đưa vào áp dụng tiêu chuẩn ISO trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoàn chỉnh lại sổ bộ địa chính để đảm bảo công tác quản lý đất đai chặt chẽ và hiệu quả, hướng dẫn công tác lập hồ sơ địa chính và ứng dụng tin học vào công tác lưu trữ hồ sơ địa chính cho 21 xã - thị trấn; hoàn thành việc kiểm kê quỹ đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện theo quy định; hoàn thành việc kê khai và đề xuất phương án xử lý cụ thể đối với các cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn huyện.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với 180 đơn vị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các trại chăn nuôi heo trên địa bàn huyện. Kiểm tra việc vận hành hệ thống xử lý nước thải của các đơn vị tại Cụm Công nghiệp Tân Quy, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, hệ thống xử lý nước thải bãi rác Phước Hiệp.

5. Phần đầu thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách năm 2008 và đảm bảo chi ngân sách theo dự toán trên tinh thần thực hành tiết kiệm. Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ. Phát huy hiệu quả hoạt động của các ngân hàng để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch về thu hồi nợ vốn vay đến hạn và quá hạn.

6. Chuẩn bị và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2008 - 2009, đặc biệt quan tâm công tác tuyển sinh vào lớp 10. Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư mở rộng các loại hình trường lớp ngoài công lập. Tiếp tục duy trì 21/21 xã - thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục bậc Tiểu học và Trung học cơ sở, duy trì 14 xã - thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục bậc Trung học phổ thông, đến cuối năm 2008 hoàn thành cơ bản về công tác phổ cập giáo dục bậc Trung học.

7. Thực hiện tốt công tác chăm lo cho gia đình thương binh, liệt sỹ, người và gia đình có công với cách mạng. Chỉ đạo triển khai có hiệu quả nhiệm vụ xóa đói giảm

nghèo, lao động và việc làm. Đến cuối năm hoàn thành cơ bản chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2.

8. Nâng cao chất lượng các hoạt động y tế, dân số, gia đình, trẻ em và các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; Tăng cường kiểm tra, xử lý các cơ sở dịch vụ văn hóa có hoạt động sai phạm; Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở, tăng cường các biện pháp nhằm hạ thấp tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên. Nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị đã đăng ký xây dựng đơn vị văn hóa, đơn vị đã được công nhận đơn vị văn hóa. Tiếp tục xây dựng các đơn vị văn hóa trên địa bàn huyện.

9. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng ngừa và trấn áp tội phạm, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống ma túy và đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Đặc biệt có biện pháp, giải pháp tích cực để hạn chế gia tăng các vụ tai nạn giao thông và giảm số người chết do tai nạn giao thông. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng cơ sở an toàn, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, phát huy mạnh mẽ phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chuẩn bị nguồn thanh niên nhập ngũ năm 2009 đạt chỉ tiêu của trên giao.

10. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, triển khai quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật” trong đời sống xã hội. Thực hiện có hiệu quả chủ trương “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính theo chương trình cải cách hành chính năm 2008 của thành phố và của Ủy ban nhân dân huyện. Có đề án cụ thể để củng cố, nâng chất lượng hoạt động của tổ nhân dân, tổ dân phố trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 132/2007/NĐ-CP trong 6 tháng cuối năm 2008 và cả năm 2009.

11. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đảm bảo đúng quy trình, đúng luật và không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp. Lãnh đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổ chức tiếp công dân hàng tháng đúng quy định.

12. Thực hiện nghiêm 7 chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm giai đoạn 2006 - 2010.

13. Tập trung chuẩn bị xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009.

Điều 3. Hội đồng nhân dân huyện giao trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp huyện động viên toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008 đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Kim Huệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2008/NQ-HĐND

Củ Chi, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về tổng quyết toán ngân sách huyện năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2008;

Xét báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về công khai quyết toán ngân sách năm 2007, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách huyện năm 2007 như sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 165.683 triệu đồng, đạt 131% theo chỉ tiêu pháp lệnh năm 2007. Có nhiều khoản thu đạt tỷ lệ rất cao như: Thu khác đạt 1.007%; phí, lệ phí đạt 468%. Có 02 khoản thu không đạt chỉ tiêu là thuế công thương nghiệp đạt 98% và thuế thu nhập đạt 68%.

1.2. Tổng thu ngân sách huyện là 384.863 triệu đồng, đạt 138% dự toán năm 2007.

Trong đó:

- Các khoản thu 100% và tỷ lệ %: 113.757 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 264.203 triệu đồng.

- Thu các khoản quản lý qua ngân sách: 46.969 triệu đồng.

1.3. Tổng thu ngân sách xã, thị trấn: 71.707 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu 100% và tỷ lệ %: 32.470 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách huyện: 37.115 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang: 2.121 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách:

2.1. Tổng chi ngân sách huyện là 382.526 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 60.975 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 255.519 triệu đồng.

2.2. Tổng chi ngân sách xã, thị trấn là 61.912 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách là 2.337 triệu đồng.

Hội đồng nhân dân huyện lưu ý Ủy ban nhân dân huyện những vấn đề sau:

Ủy ban nhân dân huyện trong điều hành ngân sách phải đảm bảo đúng Luật Ngân sách Nhà nước; phấn đấu chi ngân sách đúng dự toán được duyệt, nếu phát sinh phải kịp thời báo cáo với Thường trực và Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào phê chuẩn của Hội đồng nhân dân huyện để có kế hoạch tổ chức điều hành ngân sách tốt hơn, chú ý các vấn đề sau:

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc thu - chi tài chính, đảm bảo đúng quy định, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng ngân sách có hiệu quả, cần hạn chế đến mức thấp nhất nội dung chi không theo dự toán.

- Thực hiện công khai tài chính đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện gửi báo cáo Sở Tài chính thành phố quyết toán ngân sách năm 2007 của huyện theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Kim Huệ

HUYỆN NHÀ BÈ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/NQ-HĐND

Nhà Bè, ngày 17 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét nội dung các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; các báo cáo, tờ trình của Ủy ban nhân dân; báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện; báo cáo tham luận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nhà Bè và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân và hai Ban Hội đồng nhân dân huyện. Nhất trí với báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan hữu quan của huyện về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị 6 tháng đầu năm 2008; nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.

Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2008:

1. Lĩnh vực kinh tế:

a) Các ngành kinh tế do huyện quản lý:

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thực hiện đạt 43,11% so với kế hoạch năm 2008, tăng 5,14% so với cùng kỳ năm 2007.

- Doanh thu ngành thương mại - dịch vụ đạt 54,67% so với kế hoạch năm 2008, tăng 60% so với cùng kỳ năm 2007.

- Giá trị sản lượng ngành nông nghiệp đạt 44,84% so với kế hoạch năm 2008, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2007.

- Kinh tế tập thể được quan tâm phát triển. Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2006 - 2010 tiếp tục tập trung thực hiện.

- Huyện đã tập trung thực hiện tốt việc tiết kiệm và triển khai các giải pháp đồng bộ để kiềm chế lạm phát.

b) Về đầu tư xây dựng:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung thành phố giao kế hoạch năm 2008 là 69,98 tỷ đồng. Khối lượng thực hiện đến tháng 6 năm 2008 là 23,9 tỷ đồng, đạt 34%, khối lượng giải ngân là 15,386 tỷ đồng, đạt 22%.

Nguồn vốn thành phố phân cấp cho huyện quản lý là 21,074 tỷ đồng, khối lượng thực hiện được 13,8 tỷ đồng, đạt 65,5%; khối lượng giải ngân đạt 3,852 tỷ đồng, đạt 18,3% so với kế hoạch.

c) Công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng và tái định cư:

Tính đến thời điểm hiện nay, huyện đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng cho 55 dự án; đang xây dựng phương án bồi thường chi tiết cho 16 dự án và khảo sát lập phương án tổng thể bồi thường đối với 18 dự án khác, trong đó, tập trung cao cho dự án Khu đô thị mới Phước Kiển - Nhơn Đức. Đồng thời, đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án tái định cư trên địa bàn.

d) Công tác quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý đô thị:

- Công tác giải quyết hồ sơ về đất đai cho người dân có nhiều tiến bộ, lượng hồ sơ trễ hẹn giảm so với thời điểm cuối năm 2007, đầu năm 2008. Công tác cập nhật biến động đất đai đạt tỷ lệ 42,23%.

- Công tác cấp phép xây dựng, cấp số nhà được tập trung chấn chỉnh, đảm bảo quy trình, hạn chế tối đa hồ sơ trễ hẹn.

- Tập trung thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020, tuy nhiên tiến độ chưa đảm bảo yêu cầu.

- Công tác quản lý trật tự đô thị được tăng cường thực hiện, qua đó phát hiện, xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm quy định về đảm bảo trật tự đô thị.

- Việc triển khai thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” đã tạo được sự đồng thuận của nhân dân, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, giao tiếp, ứng xử nơi công cộng và tôn trọng, chấp hành Luật Giao thông đường bộ ngày càng được nâng cao.

đ) Thu, chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện được 119.415 triệu đồng, đạt 111% so với chỉ tiêu pháp lệnh và đạt 99,51% so với chỉ tiêu phấn đấu. Chi ngân sách đảm bảo về nguyên tắc tài chính.

2. Lĩnh vực xã hội:

a) Công tác giáo dục, dạy nghề, giới thiệu việc làm:

- Tiếp tục giữ vững và phát huy dạy tốt, học tốt hoàn thành nhiệm vụ năm học 2007 - 2008. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp ở các cấp học, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng, duy trì sĩ số, hiệu suất đào tạo... hầu hết đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đợt thi cuối tháng 5 năm 2008 đạt thấp (73,9%), làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tại huyện.

- Công tác hướng nghiệp dạy nghề với giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện. Đã tuyển sinh đào tạo sơ cấp nghề (từ 01 đến 12 tháng) được 1.115 học viên đạt 111,5% kế hoạch. Số học viên tốt nghiệp là 449, trong đó đã giải quyết việc làm 354 học viên. Tiếp tục liên kết với Trường Trung học kỹ thuật nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh duy trì đào tạo dài hạn cho 214 học viên .

Đã tạo việc làm mới ổn định cho 1.014 lao động trong khu công nghiệp - dịch vụ, đạt 56,33% chỉ tiêu (1.800) kế hoạch năm 2008.

b) Công tác xóa đói giảm nghèo, chăm lo gia đình chính sách và người dân nghèo:

- Kéo giảm số hộ nghèo toàn huyện xuống còn 301 hộ/17.808 hộ dân, chiếm 1,69% tổng hộ dân. Đã có 3/7 đơn vị đã hoàn thành cơ bản mục tiêu xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn II mà nghị quyết Huyện Đảng bộ đã đề ra là thị trấn, Phú Xuân, Long Thới (không còn hộ nghèo dưới 4 triệu đồng/người/năm, số hộ nghèo còn 1% so với tổng dân cư).

- Hoạt động chăm lo cho gia đình chính sách, dân nghèo, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

c) Công tác y tế, dân số - gia đình - trẻ em và hoạt động văn hóa - thông tin - thể dục thể thao:

- Hoạt động trên các lĩnh vực y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao được duy trì. Trong 6 tháng đầu năm không xảy ra dịch bệnh về người trên địa bàn huyện; công tác thông tin tuyên truyền phục vụ các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị tại địa phương được tập trung thực hiện.

- Công tác dân số, gia đình và trẻ em có sự tập trung. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay có 26 trường hợp sinh con thứ 3, tăng 10 trường hợp so với cùng kỳ năm 2007.

d) Về trật tự an toàn xã hội:

- Công tác quốc phòng, an ninh được tăng cường. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm được tiến hành thường xuyên. Chương trình mục tiêu 3 giảm được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, số vụ phạm pháp hình sự tăng (6 tháng đầu năm xảy ra 57 vụ, khám phá 29 vụ, tỷ lệ phá án đạt 50,88%). Trọng án có 05 vụ, khám phá 02 vụ đạt tỷ lệ 40%.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy được thực hiện thường xuyên. Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ đảm bảo an toàn giao thông, số vụ tai nạn giao thông giảm 52%, số người chết do tai nạn giao thông giảm 47,7%.

Tóm lại, trong 6 tháng đầu năm 2008, mặc dù tình hình giá cả thị trường tăng cao ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế chung nhưng các ngành kinh tế huyện Nhà Bè tiếp tục phát triển. Tốc độ đô thị hóa trên địa bàn huyện ngày càng tăng nhanh. Mức sống dân cư được nâng lên đáng kể, từng bước kéo giảm hộ nghèo, tăng hộ khá. Thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra cho cả năm. Đời sống của các đối tượng chính sách và dân nghèo luôn được quan tâm. Công tác giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm được tập trung quan tâm, nhất là công tác phổ cập giáo dục bậc Trung học. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số mặt cần lưu ý khắc phục như: Công tác bồi thường, giải tỏa, chuẩn bị dự án tái định cư cho dân còn chậm; khối lượng và tiến độ giải ngân các công trình chưa đạt yêu cầu so với kế hoạch; hệ thống giao thông xuống cấp chậm được duy tu. Việc tổ chức đấu thầu các chợ thực hiện

chậm. Công tác quy hoạch 1/2000 chưa đúng tiến độ kế hoạch đề ra; chất lượng áp, khu phố văn hóa chưa cao, việc giải quyết việc làm cho đối tượng cai nghiện hồi gia chưa được quan tâm đúng mức. Công tác dân số còn hạn chế nhất định, tỷ lệ sinh con thứ 3 tăng so với cùng kỳ năm 2007. Tình hình phạm pháp hình sự tăng cao, tỷ lệ phá án hình sự thấp. Công tác xây dựng chính quyền và thực hiện cải cách hành chính được tập trung thực hiện. Tuy nhiên nhiều quy định về thủ tục còn rườm rà, trình độ cán bộ, công chức chưa đồng đều, thái độ ứng xử của một số cán bộ, công chức còn gây phiền hà dân.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2008:

Hội đồng nhân dân huyện đồng ý các nội dung và giải pháp chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện. Trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thu - chi ngân sách, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện cần lưu ý:

1. Tập trung thực hiện tiết kiệm, áp dụng các biện pháp kiểm chế lạm phát và giữ vững sản xuất kinh doanh - dịch vụ, duy trì tốc độ phát triển các ngành kinh tế do huyện quản lý và phối hợp với Công ty IPC phát triển và thu hút đầu tư vào Khu Công nghiệp Hiệp Phước.

2. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình xây dựng cơ bản. Quan tâm phối hợp thực hiện các công trình phòng, chống lụt, bão. Tập trung sửa chữa trường lớp hoàn thành trước khai giảng năm học mới.

Tổ chức sơ kết mô hình mở rộng đường nông thôn để rút kinh nghiệm, hoàn thiện giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện chỉnh trang đô thị, nâng cấp, mở rộng các đường nông thôn, hẻm trên toàn địa bàn huyện.

3. Đẩy mạnh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, trong đó tập trung cao trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị mới Phước Kiển - Nhơn Đức. Chú ý nhiệm vụ xây dựng khu tái cư và quỹ đất để hoán đổi. Nghiên cứu việc mua nền phục vụ tái định cư. Điều tra nắm chắc đối tượng có đất bị thu hồi thực hiện dự án để hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để nhận được sự đồng thuận từ các hộ dân nhằm đẩy nhanh tiến độ bồi thường và giao mặt bằng cho các dự án trên địa bàn. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

4. Liên hệ chặt chẽ với các sở, ngành thành phố đẩy nhanh việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung huyện Nhà Bè; phủ kín 100% diện tích phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và thực hiện tốt công tác quy hoạch 1/500 theo phân cấp. Quản lý chặt chẽ theo quy hoạch. Thực hiện cung cấp quy hoạch trên mạng và dịch vụ trích lục bản đồ.

5. Tăng cường công tác quản lý môi trường; triển khai kế hoạch cải tạo ô nhiễm rạch, nhất là rạch thoát nước ở khu dân cư đông đúc. Tăng cường tổ chức tuyên truyền vận động người dân chôn cất người chết vào nghĩa trang tập trung của huyện và kiểm tra, xử lý đối với những trường hợp vi phạm. Hoàn chỉnh quy hoạch thoát nước các xã còn lại.

6. Tập trung quản lý tốt các nguồn thu, chống thất thu, phấn đấu thực hiện vượt mức dự toán thu trong năm, tận thu các khoản nợ tồn đọng và tăng các nguồn thu khác; tăng cường công tác kiểm tra, quyết toán kịp thời; thực hiện các biện pháp ngăn chặn gian lận thuế, thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các khoản cho ngân sách; tiếp tục thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính, biên chế và chi phí quản lý cho các đơn vị hành chính.

7. Tập trung chuẩn bị cho năm học mới 2008 - 2009; chỉ đạo quyết liệt thực hiện công tác phổ cập bậc trung học; phối hợp chặt chẽ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động học sinh lớp 12 chưa đậu tốt nghiệp ra học ôn để chuẩn bị cho đợt thi tháng 8/2008, trong đó tập trung tại xã Phước Lộc, Nhơn Đức và Hiệp Phước.

8. Tập trung công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

9. Đẩy mạnh hoàn thành công tác xóa đói giảm nghèo, trong đó tập trung số đối tượng có thu nhập dưới 4 triệu đồng/người/năm; chú ý lồng ghép chương trình xóa đói giảm nghèo với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của huyện.

10. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với thực hiện có hiệu quả chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

11. Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình chăm lo cho người dân nghèo, gia đình chính sách, đảm bảo các vấn đề an sinh xã hội.

12. Quan tâm thực hiện tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em, trong đó tập trung kéo giảm số trường hợp sinh con thứ 3.

13. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền những nhiệm vụ chính trị tại địa phương;

tuyên truyền vận động người dân tham gia tích cực vào các chương trình do huyện và thành phố phát động.

14. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, bảo vệ an ninh tuyệt đối các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, các mục tiêu, địa bàn trọng điểm.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu 3 giảm, chú trọng thực hiện chương trình hậu cai nghiện, nhất là tập trung quản lý chặt chẽ và thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện. Tiếp tục duy trì thành quả kéo giảm tai nạn giao thông.

- Xây dựng hoàn chỉnh phương án và triển khai diễn tập phòng, chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn tại xã Hiệp Phước.

15. Tập trung công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo huyện, các ngành chức năng với người dân tại cơ sở.

16. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với sửa đổi lỗi làm việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, điều hành các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện Nghị quyết này với kết quả cao nhất.

Hội đồng nhân dân giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Nhà Bè và các thành viên, các tổ chức xã hội tuyên truyền, phổ biến, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, phản ánh kịp thời các kiến nghị của người dân đến các cơ quan có liên quan.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè, khóa IX thông qua tại kỳ họp lần 14, ngày 17 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/NQ-HĐND

Nhà Bè, ngày 17 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007
và điều chỉnh chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2008**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2008 cho huyện Nhà Bè;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè về điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2007 và giao dự toán ngân sách năm 2008 cho các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2008/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2008 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè về bổ sung dự toán ngân sách năm 2008 cho các đơn vị trực thuộc;

Xét Tờ trình số 453/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về phê duyệt quyết toán thu - chi ngân sách huyện năm 2007 và điều chỉnh chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách huyện năm 2008; Tờ trình số 456/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về chi trợ cấp khó khăn từ nguồn tiết kiệm 10%; Báo cáo thẩm định số 03/KTXH-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007 như sau****1. Về thu:****a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Thực hiện 196.517 triệu đồng đạt 248,76% dự toán (so chỉ tiêu pháp lệnh 79.000 triệu đồng và bằng 134,65% so chỉ tiêu phân đầu 145.947 triệu đồng), đạt 291,65% so năm trước.

b) Thu ngân sách huyện: 224.510 triệu đồng đạt 109,89% so dự toán và 125,99% so năm trước.

Thu cân đối ngân sách: 134.909 triệu đồng

- Thu kết dư năm trước: 9.184 triệu đồng

+ Ngân sách huyện (thường xuyên): 3.423 triệu đồng

+ Ngân sách xã: 5.761 triệu đồng

- Thu điều tiết: 49.733 triệu đồng

Trong đó:

+ Thuế công thương nghiệp: 33.764 triệu đồng
đạt 113,42% so dự toán và đạt 179,33% so năm trước.

+ Lệ phí trước bạ: 29.497 triệu đồng
đạt 113,45% so dự toán và đạt 259,22% so năm trước.

+ Thuế nhà đất: 393.761 triệu đồng
đạt 106,42% so dự toán và đạt 124,65% so năm trước.

+ Tiền thuê đất: 2.976 triệu đồng
đạt 99,22% so dự toán.

+ Tiền sử dụng đất: 106.197 triệu đồng
đạt 163,38% so dự toán và đạt 455,12% so năm trước.

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất: 12.632 triệu đồng
đạt 105,27% so dự toán và đạt 293,97% so năm trước.

+ Phí - lệ phí: 2.386 triệu đồng
đạt 95,46% so dự toán và đạt 180,48% so năm trước.

+ Thu khác:	7.076 triệu đồng
đạt 110,87% so dự toán và đạt 262,95% so năm trước.	
- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố:	71.733 triệu đồng
+ Bổ sung cân đối ngân sách:	66.847 triệu đồng
+ Bổ sung có mục tiêu:	4.886 triệu đồng
- Thu chuyên nguồn kinh phí (các đơn vị dự toán):	3.246 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn tạm ứng (từ kinh phí huyện):	1.013 triệu đồng
Thu đầu tư phát triển:	78.421 triệu đồng
- Bổ sung chi đầu tư:	36.831 triệu đồng
- Kinh phí đầu tư:	7.302 triệu đồng
- Từ kinh phí đầu tư:	27.237 triệu đồng
+ Đầu tư phát triển:	7.051 triệu đồng
Thu quản lý qua ngân sách (ghi thu):	11.180 triệu đồng
- Ngân sách huyện:	10.373 triệu đồng
- Ngân sách xã - thị trấn:	807 triệu đồng

Thu ngân sách nhà nước đạt kế hoạch cao từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt 353,99% (106 tỷ/30 tỷ), thuế giá trị gia tăng đạt 245,33% (22 tỷ/9,2 tỷ), thuế chuyển quyền sử dụng đất đạt 242,92% (13 tỷ/5,2 tỷ), ngoài ra các khoản thu thuế khác đều đạt kế hoạch.

2. Về chi:	196.753 triệu đồng
a) Chi đầu tư phát triển:	78.352 triệu đồng
Trong đó:	
- Chi đầu tư:	37.897 triệu đồng
đạt 75,79% so dự toán điều chỉnh.	
- Chi chuyển nguồn tạm ứng:	34.122 triệu đồng
- Chi chuyển đầu tư sang 2008:	6.333 triệu đồng
b) Chi thường xuyên:	107.222 triệu đồng
đạt 89,82% so dự toán.	
- Thường xuyên:	105.454 triệu đồng

- Chi chuyển nguồn:	1.768 triệu đồng
c) Chi quản lý qua ngân sách (ghi chi):	11.180 triệu đồng
- Ngân sách huyện:	10.373 triệu đồng
- Ngân sách xã - thị trấn:	807 triệu đồng

3. Kết dư: 27.757 triệu đồng

- Ngân sách huyện:	12.373 triệu đồng
--------------------	-------------------

Trong đó:

+ Đầu tư phát triển:	69 triệu đồng
+ Chi thường xuyên:	12.304 triệu đồng
- Ngân sách xã:	15.384 triệu đồng

Điều 2. Điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách năm 2008

1. Về thu:

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 142.141 triệu đồng

b) Thu ngân sách huyện: 279.208 triệu đồng

đạt 243,35% so dự toán.

Thu cân đối ngân sách: 139.715 triệu đồng

- Thu kết dư năm trước:	27.687 triệu đồng
+ Ngân sách huyện (thường xuyên):	12.304 triệu đồng
+ Ngân sách xã:	15.383 triệu đồng
- Thu điều tiết:	45.060 triệu đồng

Trong đó:

+ Thuế công thương nghiệp: 11.259 triệu đồng
đạt 104,16% so dự toán.

+ Lệ phí trước bạ: 15.000 triệu đồng
đạt 204,08% so dự toán.

+ Thuế nhà đất: 380 triệu đồng
đạt 100% so dự toán.

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất: 12.000 triệu đồng
đạt 100% so dự toán.

+ Phí - lệ phí: 2.700 triệu đồng
đạt 100% so dự toán.

+ Thu khác: 3.720 triệu đồng
đạt 100% so dự toán.

- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 66.967 triệu đồng

+ Bổ sung cân đối ngân sách: 65.967 triệu đồng

+ Bổ sung có mục tiêu: 1.000 triệu đồng

Thu đầu tư phát triển: 102.603 triệu đồng

- Bổ sung chi đầu tư: 20.000 triệu đồng

- Kinh phí đầu tư: 6.333 triệu đồng

- Thu kết dư: 70 triệu đồng

- Từ thưởng vượt thu năm 2007: 76.200 triệu đồng

Thu chuyển nguồn tạm ứng: 35.890 triệu đồng

- Từ kinh phí huyện: 1.768 triệu đồng

- Từ đầu tư phân cấp: 34.122 triệu đồng

Thu trợ cấp chương trình mục tiêu: 1.000 triệu đồng

Thu ngân sách nhà nước đạt kế hoạch cao từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

2. Chi ngân sách huyện: 251.505 triệu đồng

đạt 100% so dự toán điều chỉnh.

a) Chi đầu tư phát triển: 96.200 triệu đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư: 96.200 triệu đồng

đạt 93,76% so dự toán điều chỉnh.

b) Chi thường xuyên: 118.415 triệu đồng

đạt 84,75% so dự toán.

- Thường xuyên: 118.415 triệu đồng

c) Chi tạm ứng: 35.890 triệu đồng

d) Chi trợ cấp chương trình mục tiêu: 1.000 triệu đồng

3. Kết dư: 27.703 triệu đồng

- Ngân sách huyện: 6.843 triệu đồng

Trong đó:

+ Đầu tư phát triển: 6.403 triệu đồng

+ Chi thường xuyên: 440 triệu đồng

- Ngân sách xã: 20.860 triệu đồng

4. Đối với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% từ khoản chi thường xuyên:

- Kinh phí 10% để lại thuộc cấp nào thì bổ sung cho ngân sách cấp đó.

- Ưu tiên 70% cho nhiệm vụ an sinh xã hội; 30% cho việc khắc phục thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ cấp bách khác ngoài dự toán ngân sách.

- Nguồn ngân sách huyện chi cho đối tượng sau:

+ Trợ cấp hộ dân nghèo thu nhập dưới 4,5 triệu đồng/người/năm và các hộ neo đơn, khó khăn theo Nghị định 67. Giao Ủy ban nhân dân huyện đề xuất mức chi và phương thức hỗ trợ.

+ Trợ cấp khó khăn cho cán bộ, công nhân, viên chức hưởng lương từ ngân sách có mức thu nhập thấp (Cụ thể do Ủy ban nhân dân huyện đề xuất).

- Nguồn ngân sách xã - thị trấn: Thường trực Hội đồng nhân dân và Thường trực Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bàn bạc quyết định mức chi và phương thức hỗ trợ cụ thể.

- Thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Điều 3.

- Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng nhân dân để giao nhiệm vụ chi ngân sách cho từng cơ quan, ban - ngành của huyện và các xã, thị trấn theo đúng quy định.

+ Quản lý cấp phát chi theo dự toán, hạn chế thấp nhất phát sinh chi ngoài dự toán. Kiên quyết xuất toán các khoản chi ngoài quy định.

+ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính, ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm trong phạm vi quản lý. Sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích ngân sách nhà nước cũng như các nguồn vốn hoạt động. Thực hiện công khai về thu - chi ngân sách của cơ quan, đơn vị.

- Giao Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cần tập trung nhiều hơn trong việc điều hành ngân sách, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện ngân sách, tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Việt

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: t tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng